

Số: 6076/QĐ-UBND

Móng Cái, ngày 27 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000
xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 3359/UBND-QH2 ngày 25/05/2022 của UBND tỉnh về việc UBND thành phố đề nghị giao lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chung xây dựng nông thôn của 05 xã thuộc địa giới hành chính thành phố Móng Cái, trong đó giao UBND thành phố lập, phê duyệt quy hoạch chung 05 xã theo thẩm quyền, làm cơ sở công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch chung xây dựng đảm bảo quy định; Văn bản số 3674/UBND-NLN1 ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện tiêu chí quy hoạch theo tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 2557/SXD-QH ngày 20/6/2022 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn triển khai, lập thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 2225/SXD-QH ngày 20/6/2022 của Sở Xây dựng về việc triển khai lập các đồ án quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch chung xây dựng xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu thành phố Móng Cái lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 20/5/2020 của Thành ủy Móng Cái;

Căn cứ ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành: Văn bản số 1687/SXD-QH ngày 16/5/2023 của Sở Xây dựng; Văn bản số 4030/SXD-QH ngày 10/10/2023 của Sở Xây dựng (lần 2); Văn bản số 1074/SCT-VP1 ngày 14/4/2023 của Sở Công thương; Văn bản số 1784/SNN&PTNT-QLXD ngày 05/5/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Văn bản số 742/BQLKKT-QHXD ngày 04/5/2023 Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh; Văn bản số 1944/PCCC ngày 20/4/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 603/CTN-KT ngày 17/4/2023 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 20/6/2023 của HĐND xã Hải Sơn về thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái đến năm 2040;

Căn cứ Thông báo số 143/TB-UBND ngày 27/4/2022 Kết luận của Thường trực UBND Thành phố về quy hoạch chung xây dựng 05 xã: Quảng Nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Hải Sơn, Bắc Sơn;

Căn cứ Kết luận số 32-KL/TU ngày 30/9/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương đối với Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Bắc Sơn và Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái đến năm 2040;

Căn cứ Thông báo số 204/TB-HĐND ngày 13/10/2023 của HĐND thành phố Móng Cái về một số kết quả chủ yếu kỳ họp thứ 13 (kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân thành phố khoá XXI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 4617/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND thành phố Móng Cái về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040;

Căn cứ Biên bản lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái ngày 20/10/2022; Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 03/10/2023 về Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái đến năm 2040;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 438/TTr-QLĐT ngày 16/10/2023 và ý kiến thống nhất của Thường trực UBND Thành phố tại phiếu trình ngày 23/10/2023 của Văn phòng HĐND & UBND Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, với các nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn quy hoạch:

1.1. Phạm vi ranh giới quy hoạch: Khu vực lập quy hoạch nằm trong địa giới hành chính của xã Hải Sơn thuộc phân khu E6 theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 16/3/2021.

Ranh giới được giới hạn cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.
- + Phía Nam giáp các xã Hải Tiến và Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái.
- + Phía Tây giáp xã Quảng Đức, huyện Hải Hà.
- + Phía Bắc giáp Trung Quốc.

1.2. Quy mô, diện tích lập quy hoạch: 8.173,06 ha.

1.3. Thời hạn quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2030; dài hạn đến năm 2040.

2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 16/3/2021.

- Xác định các giải pháp quy hoạch phục vụ cho nhu cầu đầu tư, đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn đô thị, đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và bền vững trên cơ sở rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật.

- Từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại.

- Cải tạo, chỉnh trang các khu vực hiện có, khớp nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan nhằm nâng cao điều kiện sống của người dân.

- Làm cơ sở để quản lý, kiểm soát phát triển không gian chung của xã, các khu dân cư hiện hữu, các khu ở mới, khu dịch vụ và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp thoát nước, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng, san nền...); tổ chức lập các quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư.

3. Tính chất, chức năng:

- Là trung tâm du lịch, dịch vụ, thương mại, đô thị tại vùng biên giới với Trung Quốc.

- Là khu vực có vị trí chiến lược, quan trọng về an ninh, quốc phòng.

- Là khu vực phát triển theo mô hình nông thôn mới, mang đậm bản sắc dân tộc.

- Là nơi phát triển trồng rừng gỗ lớn, bảo vệ rừng phòng hộ, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, kết hợp phát triển du lịch sinh thái.

4. Quy mô dân số:

- Quy mô dân số hiện trạng: 1.533 người.

- Quy mô dân số dự kiến đến năm 2030: Khoảng 2.443 người.

- Quy mô dân số đến năm 2040: Khoảng 4.376 người.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

5.1. Quy mô sử dụng đất đai:

- Đến năm 2030: Đất nông nghiệp khoảng 7.413,38ha; Đất xây dựng khoảng 266,27ha; Đất khác khoảng 493,41 ha.

- Đến năm 2040: Đất nông nghiệp khoảng 7.326,64ha; Đất xây dựng khoảng 376,00ha; Đất khác khoảng 470,42ha.

5.2. Quy hoạch sử dụng đất các giai đoạn: *Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định.*

6. Định hướng tổ chức không gian tổng thể toàn xã:

- Dọc trục Quốc lộ 18C, bố trí quỹ đất thương mại dịch vụ, các khu ở mới nhằm thu hút đầu tư, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu tạo diện mạo đô thị khang trang tại khu vực trung tâm xã.

- Không gian đô thị được kiểm soát gắn với khung cấu trúc hạ tầng (kết hợp mạng vành đai và ô bàn cờ) và cấu trúc phân khu chức năng mạch lạc để kiểm soát không gian và định hướng cho hình thái phát triển các khu vực được hài hòa với bối cảnh hiện trạng khu vực.

- Khu vực phía Bắc Quốc lộ 18C đến sông biên giới: định hướng phát triển

một số diện tích nông nghiệp theo hướng tập trung, phát triển loại hình trang trại nông nghiệp sạch kết hợp du lịch sinh thái.

- Tại các thôn Pò Hèn, Lục Chấn, Thán Phún Xã: Hình thành các điểm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch tâm linh, cột mốc biên giới; góp phần tạo việc làm ổn định, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho nhân dân; Quy hoạch khu dịch vụ thương mại, điểm dừng chân để tham quan tại các di tích; Bố trí quy hoạch các quỹ đất ở mới đáp ứng nhu cầu người dân.

- Với phần lớn diện tích là rừng hiện trạng (trên 80% diện tích toàn xã) định hướng trồng các loại giống cây thích nghi với địa hình cho năng suất cao; bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, chuyển từ trồng rừng theo phương thức truyền thống sang sản xuất lâm nghiệp hàng hóa.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại (trạm cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải) đảm bảo nâng cao đời sống người dân, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch và dịch vụ.

- Phát triển mật độ xây dựng tập trung cao tại khu vực trọng tâm và dùng mật độ thấp tại các khu vực có cảnh quan sinh thái hấp dẫn, tạo sự đan xen giữa không gian đô thị và không gian tự nhiên.

7. Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn:

Toàn xã quy hoạch 03 điểm dân cư gồm Thôn Pò Hèn, Thôn Lục Chấn, Thán Phún Xã.

- Điểm dân cư Thôn Pò Hèn: Là khu vực tập trung các công trình cấp xã gồm UBND xã, Công an xã, Quân sự xã. Quy hoạch khoảng 10 ha đất dịch vụ thương mại, kho bãi, đất ở... để thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển. Hình thành các điểm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm tại xóm họ Đặng, dân tộc Dao (Làng Bích Họa) và du lịch tâm linh khu đài tưởng niệm Pò Hèn, cột mốc biên giới; triển khai xây dựng Làng văn hóa dân tộc Dao Thanh Y trên địa bàn xã để giữ gìn và bảo tồn các giá trị bản sắc văn hóa của dân tộc Dao, gắn với phát triển du lịch cộng đồng, góp phần tạo việc làm ổn định, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho nhân dân; Quy hoạch khu dịch vụ thương mại, điểm dừng chân để tham quan tại các di tích; Bố trí quy hoạch các quỹ đất ở mới đáp ứng nhu cầu người dân.

- Điểm dân cư thôn Lục Chấn: Định hướng quy hoạch mở rộng nhà văn hóa, bổ sung sân thể thao, các điểm trường. Cải tạo chỉnh trang khu vực nông thôn hiện trạng, các làng xóm đô thị hóa tự phát, sắp xếp lại dân cư hiện trạng. Xây dựng các khu dân cư nông thôn mới với hạ tầng đồng bộ.

- Điểm dân cư thôn Thán Phún Xã: Dân số đến năm 2040 khoảng 1.764 người. Định hướng quy hoạch sân thể thao để phục vụ giao lưu cộng đồng giữa các thôn; Mở rộng nhà văn hóa bổ sung sân thể thao, các điểm trường. Bố trí quỹ đất làm bãi để xe tại khu du lịch. Cải tạo chỉnh trang khu vực nông thôn hiện trạng, các làng xóm đô thị hóa tự phát, sắp xếp lại dân cư hiện trạng. Xây dựng các khu dân cư nông thôn mới với hạ tầng đồng bộ.

8. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội:

8.1. Định hướng quy hoạch đất trụ sở:

- Trụ sở làm việc: Nâng cấp, mở rộng trụ sở UBND xã Hải Sơn tại vị trí hiện có. Xây dựng mới trụ sở Công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã tại khu trung tâm, giáp trụ sở UBND xã.

8.2. Định hướng quy hoạch sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp:

- Về vùng sản xuất lúa: Tập trung phát triển vùng chuyên canh trồng lúa tại các khu vực lúa cho năng suất cao. Tại các khu vực lúa cho năng suất thấp khuyến khích các hộ dân chuyển đổi mô hình lúa sang sản xuất rau màu chất lượng cao, tiêu chuẩn sạch, từ sản phẩm tự tiêu sang sản phẩm hàng hoá, nâng cao giá trị sản xuất. Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường nội đồng, hệ thống kênh mương tưới tiêu. Cải thiện chất lượng đất, giống cây trồng, tăng năng suất. Khai thác các khu vực đất bằng chưa sử dụng vào mục đích phát triển nông nghiệp nhằm tăng sản lượng và xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất.

- Về vùng trồng cây lâu năm kết hợp du lịch sinh thái: Hình thành các khu vực trồng cây lâu năm kết hợp du lịch sinh thái có giá trị kinh tế cao tại các khu vực đã có sẵn và tại các khu vực ruộng lúa năng suất thấp.

- Về vùng trồng rừng sản xuất: Đẩy mạnh phát triển và duy trì trồng rừng sản xuất tại các khu vực hiện có; khai thác các khu vực đất đồi núi chưa sử dụng chuyển đổi thành trồng rừng sản xuất. Phát triển kinh tế vườn rừng theo hướng công nghiệp, thương mại, dịch vụ, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Vùng chăn nuôi: Phát triển trên cơ sở các cơ sở chăn nuôi hiện có. Định hướng xây dựng các mô hình trang trại chăn nuôi tập trung, hiện đại cho năng suất và giá trị kinh tế cao; phát triển vùng chăn nuôi tập trung kết hợp với trồng rừng, cây dược liệu (Quy hoạch vùng phát triển trồng cây dược liệu như Sâm cau, trà hoa vàng, atiso.. diện tích khoảng 36ha, quy hoạch khu chăn nuôi tập trung quy mô diện tích khoảng 7,5ha tại thôn Thán Phún Xã).

8.3. Định hướng quy hoạch dịch vụ thương mại, logistics:

- Quy hoạch các khu vực có lợi thế về dân cư, hạ tầng giao thông, hình thành các công trình dịch vụ thương mại tại khu vực cửa ngõ, các trục đường hướng tâm và vành đai quan trọng, giao lộ của các tuyến đường, quảng trường trước các công viên cây xanh. Các trung tâm thương mại tối thiểu 1,5ha/công trình; nâng cấp, cải tạo chợ trung tâm xã Hải Sơn (chợ Pò Hèn) đạt quy mô chợ loại III, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầy đủ theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

8.4. Định hướng quy hoạch dịch vụ du lịch:

- Phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa mang bản sắc dân tộc thiểu số, bảo tồn và tôn tạo cảnh quan, môi trường tự nhiên và truyền thống văn hóa của các dân tộc đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

- Tập trung khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ của các điểm danh thắng, sinh thái trọng điểm của xã Hải Sơn và liên kết với hệ thống du lịch toàn thành phố,... đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển dịch vụ nhà hàng, mô hình homestay; lựa chọn xây dựng các sản phẩm đặc trưng phục vụ du lịch của địa phương nhằm thu hút và tăng thời gian lưu trú, mua sắm của khách du lịch.

- Tại thôn Pò Hèn phát triển chuỗi du lịch trải nghiệm, du lịch tâm linh bằng cách hình thành các điểm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm tại xóm họ Đặng (Làng Bích Họa) và du lịch tâm linh khu đài tưởng niệm Pò Hèn, cột mốc biên giới. Triển khai xây dựng Làng dân tộc thiểu số Dao Thanh Y tại thôn Pò Hèn; Quy hoạch khu dịch vụ thương mại, điểm dừng chân để tham quan tại các di tích.

- Khoanh vùng phát triển du lịch sinh thái, khám phá, trải nghiệm tại núi Mã Thầu Sơn.

- Khoanh vùng phát triển du lịch sinh thái ở khu thác 72 gian.

- Khoanh vùng phát triển du lịch sinh thái, tham quan đồi sim, hái sim tại thôn Pò Hèn.

8.5. Định hướng phát triển nhà ở:

- Phát triển đa dạng hóa các loại nhà ở như: Nhà ở truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tại khu vực làng xóm hiện hữu (bảo tồn các nhà cổ có giá trị văn hóa cao) kết hợp với nhà đặc trưng của các dân tộc đang sinh sống. Đối với các khu vực phát triển mới khuyến khích nhà ở riêng lẻ thấp tầng, đảm bảo hài hòa với cảnh quan tự nhiên xung quanh.

- Đối với khu vực tiếp giáp với các trục đường chính như quốc lộ 18C, ưu tiên dạng nhà ở tiết kiệm quỹ đất, phù hợp với dịch vụ thương mại và nhu cầu ở của người dân nông thôn.

- Bố trí quỹ đất tái định cư: Với các khu vực nhà ở hiện hữu cần giải phóng mặt bằng để thực hiện các chức năng khác sẽ được tái định cư tại các khu vực cụ thể khi triển khai dự án.

- Bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội:

+ Phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà cho thuê, nhà thu nhập thấp... gắn với các khu vực phát triển khu dịch vụ thương mại, khu giáo dục đào tạo tập trung, các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị mới....

+ Quỹ đất và vị trí phát triển nhà ở xã hội sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết, dự án thành phần đảm bảo quy mô, diện tích theo quy định.

8.6. Định hướng quy hoạch cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

- Nâng cấp, mở rộng trạm y tế xã.

- Duy trì tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; tiếp tục thực hiện chính sách về bảo hiểm y tế, đặc biệt là bảo hiểm y tế đối

với người nghèo và đồng bào dân tộc đảm bảo chế độ khám chữa bệnh và cấp thuốc theo bảo hiểm.

8.7. Định hướng quy hoạch cơ sở giáo dục đào tạo:

- Điều chỉnh, mở rộng trường Tiểu học và THCS Hải Sơn, diện tích khoảng 1,0ha, Dự trữ quỹ đất sau năm 2040 để xây dựng trường tại địa điểm mới có diện tích khoảng 2,25ha (do trường cũ không đủ điều kiện mở rộng). Điều chỉnh, mở rộng trường mầm non Hải Sơn hướng tới hình thành các cơ sở chất lượng cao, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi cho người dân và an toàn cho học sinh.

- Các công trình giáo dục khác giữ nguyên theo vị trí hiện có, cải tạo, nâng cấp, đầu tư trang thiết bị, hoàn thiện các chức năng đạt chuẩn (đảm bảo chỉ tiêu bình quân 10-12 m²/học sinh).

8.8. Định hướng quy hoạch cơ sở văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí:

- Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng nhà văn hóa trung tâm xã, sân thể thao hiện có của xã tại trung tâm xã; Bố trí hệ thống công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, sân thể dục thể thao tại các thôn ở đảm bảo mỗi thôn có một khu văn hóa thể thao.

- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc sinh sống trên địa bàn xã kết hợp hài hòa với bản sắc văn hóa mới; Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và du lịch.

- Xây dựng Làng dân tộc thiểu số Dao Thanh Y gắn với du lịch cộng đồng nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời phát triển kinh tế xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Đất cây xanh công cộng: Các khu vực công viên, cây xanh, vườn hoa được nghiên cứu gắn kết khu vực hiện hữu với khu vực phát triển mới, khai thác triệt để không gian mặt nước hiện có.

- Rà soát, thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 14/4/2022.

8.9. Định hướng đảm bảo an ninh, quốc phòng:

- Bảo vệ các khu vực đất, công trình quốc phòng, an ninh hiện trạng và các khu vực, dự kiến bố trí quy hoạch các công trình quốc phòng, an ninh đảm bảo hài hòa với phát triển kinh tế xã hội.

- Đối với các công trình theo tuyến (kè sông biên giới...) thực hiện theo dự án riêng.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 18C: Tuân thủ theo quy hoạch chung xây dựng Khu KTCK Móng Cái được TTCP phê duyệt tại Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 16/3/2021;

- Riêng đoạn đi qua trung tâm xã: Vía hè từ 2,5-5,0 m x 2 bên; lòng đường 10,5m; quy mô chỉ giới đường đỏ khoảng 20,5 m.

b) Các tuyến giao thông chính khu vực như sau:

- Mặt cắt 2-2: Đường trục chính xã nối từ trung tâm xã qua sông Ka Long sang Trung quốc; Vía hè 5,0-7,0m x 2 bên; lòng đường 10,5m x 2 bên, dải phân cách 3,0m; quy mô chỉ giới đường đỏ 38,0m.

- Mặt cắt 3-3: Đường phân khu trong khu trung tâm xã Vía hè 3,0-5,0m x 2 bên; lòng đường 7,5m quy mô chỉ giới đường đỏ 17,5m.

- Mặt cắt 4-4: Đường ngoài khu trung tâm xã (đường cấp 4 miền núi) hành lang bảo vệ đường 10,0 m x 2 bên; Lề đường 1,0m x 2 bên; lòng đường 5,5m, quy mô chỉ giới đường đỏ 27,5m.

- Các tuyến đường tiểu khu, ngõ xóm: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ xóm hiện trạng; Lòng đường 3,5m, vỉa hè 2,0mx bên, quy mô chỉ giới đường đỏ 7,5m.

c) Đường hiện trạng giữa các khu vực, đường liên thôn, liên xóm mở rộng đảm bảo chiều rộng tối thiểu là 3,5m đến 5,5m.

9.2. Cao độ nền:

- Phù hợp với tổ chức hệ thống thoát nước mưa, hệ thống tưới, tiêu thủy lợi và hệ thống công trình bảo vệ khu đất khỏi ngập lụt.

- Đảm bảo độ dốc đường theo tiêu chuẩn.

- Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, giữ được lớp đất màu, cây xanh hiện có, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp.

- Không làm xấu hơn các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn.

- Đối với những khu dân cư tập trung hiện có, những khu vực đã có mật độ xây dựng tương đối cao, có cốt nền tương đối ổn định, công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với hiện trạng xây dựng.

9.3. Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước chính: Căn cứ vào địa hình, toàn khu có thể chia thành 03 lưu vực thoát ra sông, khe suối cụ thể như sau:

+ Lưu vực 1: Khu trung tâm xã: thoát nước cho phần lớn khu vực quy hoạch nước mưa từ trên đồi cao tự nhiên, từ các lô đất, các khu dân cư hiện trạng được thu vào hệ thống cống và theo địa hình dốc từ Tây sang Đông chảy qua QL 18C bằng hệ thống cống hộp sau đó thoát ra sông Ka Long về phía Bắc .

+ Lưu vực 2: Khu vực thôn Lục Chấn: thoát nước cho phần lớn khu vực quy hoạch nước mưa hai bên quốc lộ 18C, từ các khu dân cư hiện trạng, các khu sản xuất kinh doanh và được thu vào hệ thống cống và mương hở chảy theo địa hình dốc từ Tây sang Đông qua QL 18C bằng hệ thống cống hộp sau đó thoát ra sông Ka Long về phía Bắc .

+ Lưu vực 3: Khu vực thôn Thán Phún Xã: thoát nước cho phần lớn khu vực quy hoạch nước mưa phía Nam quốc lộ 18C, từ các khu dân cư hiện trạng, và được thu vào hệ thống cống và mương hở chảy theo địa hình dốc từ Tây sang Đông qua QL 18C bằng hệ thống cống hộp, cầu sau đó thoát ra sông Ka Long về phía Bắc .

- Các giải pháp thoát nước:

+ Đối với cống thoát nước chính: Thường xuyên nạo vét các tuyến kênh, mương suối để tăng khả năng thoát nước cho các tuyến thoát nước chính.

+ Đối với các tuyến cống nhánh: Xây dựng hoàn thiện các tuyến cống nhánh trong khu vực; thường xuyên nạo vét để tăng khả năng thoát nước, cải tạo thay thế hệ thống thoát nước để đảm bảo tiêu thoát nước triệt để.

+ Xây dựng các cửa phai để điều tiết mực nước ra vào các cửa xả phía đầu thoát ra sông, qua đó điều tiết khả năng tiêu thoát của hệ thống thoát nước mưa, đặc biệt trong trường hợp mưa lớn.

+ Cải tạo các tuyến khe suối hiện có nằm xen giữa các khu dân cư hiện trạng.

- Đối với các khu dân cư hiện trạng:

+ Khống chế các điều kiện kỹ thuật về cao độ xây dựng, thoát nước, bảo vệ khu dân cư tập trung và các điểm dân cư phù hợp với cấp hạng, quy mô của từng khu, điểm dân cư, bảo đảm an toàn cho khu dân cư và các điểm dân cư không bị ngập lụt.

+ Đối với vùng có nguy cơ cao về sạt lở, ngập úng, cần tăng cường khảo sát, khoanh vùng phạm vi; cảnh báo cho dân cư trong vùng, lập kế hoạch di dời khi cần thiết.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước bền vững cho khu vực tập trung và các điểm dân cư hiện trạng trên đồi cao, hạn chế tối đa về sạt lở đất, úng, ngập.

+ Nạo vét định kỳ và kè bờ các đoạn suối, các hồ trong khu vực nghiên cứu.

+ Xây dựng tường chắn tại các khu vực có nguy cơ sạt lở.

+ Duy trì, củng cố và kiên cố hóa các đập thủy lợi, kênh mương.

+ Xây dựng hệ thống mương hở đón nước cho các khu vực chân đồi trước khi chảy vào khu vực xây dựng công trình; xây dựng hệ thống cống thoát nước chung dọc theo các tuyến đường đón nước từ các khu vực xây dựng chảy vào ruộng trồng hoặc các khe sâu và suối, sông.

9.4. Cấp nước:

- Ngắn hạn: sử dụng nguồn nước giếng khoan và hệ thống Trạm xử lý nước sạch cấp nước sinh hoạt tập trung.

- Dài hạn: Nước lấy từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung tại xã Hải Sơn với công suất $1000\text{m}^3/\text{ngđ}$, cụ thể:

+ Nguồn cấp thứ 1: Hướng tuyến cấp nước thô từ hồ Phình Hồ ($W=15\text{Tr.m}^3$, cao trình đập 22m) ống dẫn nước dài khoảng 14,8km, ống HDPE chạy men theo quốc lộ 18C dẫn nước về nhà máy nước.

+ Nguồn cấp thứ 2: Hướng tuyến cấp nước thô từ hồ Tràng Vinh ($W=75\text{Tr.m}^3$, cao trình đập 25m) dài khoảng 10,5km, ống HDPE chạy men theo đường rừng phòng hộ về hướng phía Bắc, đến quốc lộ 18C dẫn nước về nhà máy nước.

9.5. Cấp nước chữa cháy:

- Bố trí trên mạng lưới ống chính kết hợp các họng cứu hỏa PCCC.

- Cấp nước chữa cháy: Thiết kế các trụ lấy nước D110 đảm bảo khoảng cách $\leq 150\text{m}$; gần các cụm công trình, tại các vị trí ngã ba, ngã tư, thuận tiện cho xe cứu hoả hoạt động khi có cháy; Nước chữa cháy phải đảm bảo lưu lượng và thời gian mất nước.

- Hệ thống giao thông đảm bảo: Tải trọng, bãi đỗ, nút giao thông cho xe chữa cháy quay đầu theo tiêu chuẩn.

9.6. Cấp điện:

- Nguồn điện cung cấp cho phụ tải xã Hải Sơn được lấy từ đường dây 22kV trên không lộ 473 trạm 110kV Móng Cái.

- Lưới điện trung áp: Cải tạo lưới điện 22kV hiện có của khu vực, nâng cấp tiết diện dây nhỏ từ AC50,70mm² lên dây AC120,150mm².

- Trạm biến áp:

+ Xây mới các trạm biến áp công suất từ 250-560kVA-22/0,4kV để phục vụ nhu cầu phát triển các khu dân cư, khu dịch vụ, khu công nghiệp.

+ Trạm biến áp xây mới sử dụng kết cấu dạng trạm treo, phù hợp với kinh tế và địa hình của khu vực.

+ Từ các tủ điện phân phối hạ thế tổng của các trạm biến áp, điện 0,4 kV sẽ được cấp đến các phụ tải trong xã bằng cáp nhôm vặn xoắn đi trên cột bê tông hoặc cáp ngầm đi dưới hào cáp.

+ Cải tạo sửa chữa hệ thống dẫn điện hạ thế đã xuống cấp, thay thế những loại cột bê tông cũ bằng hệ thống cột bê tông ly tâm đúc sẵn đồng bộ.

9.7. Lưới điện chiếu sáng:

- Hệ thống chiếu sáng giao thông phải được thực hiện trên các tuyến đường giao thông ngõ xóm, đảm bảo cung cấp ánh sáng đầy đủ theo tiêu chuẩn quy định,

hệ thống đèn chiếu sáng được bố trí lắp chung trên các hệ thống cột bê tông li tâm dẫn điện hạ thế, hoặc thiết kế bằng các loại cột đèn thép liền cần, bóng đèn sử dụng bóng led ánh sáng trắng.

9.8. Thông tin liên lạc:

- Nhu cầu: khoảng 1.100 thuê bao.
- Các tuyến cáp viễn thông bố trí đi ngầm theo kế hoạch hạ ngầm của thành phố.
- Các trạm thu phát sóng được định hướng áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại theo xu hướng mới như công nghệ 4G, 5G.

9.9. Thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với khu vực trung tâm xã: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các công trình công cộng (sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ bằng các bể tự hoại) được xả vào hệ thống cống thoát nước thải. Các tuyến cống, rãnh thoát nước đặt trong các ngõ, xóm rồi dẫn về điểm xử lý nước thải. Các khu vực khác xử lý nước thải phân tán.

- Tại mỗi thôn xây dựng 01 công trình xử lý nước thải hợp vệ sinh.
- Các khu vực dịch vụ, thương mại, tiểu thủ công nghiệp cần xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Đối với các hộ gia đình có chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại. Cặn lắng sau bể Biogas được đưa đến xử lý tại khu xử lý chất thải rắn tập trung.

+ Đối với nước thải các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải phải xây dựng các trạm xử lý nước thải riêng đạt tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung.

9.10. Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Tiêu chuẩn CTR sinh hoạt: Dài hạn: 0,9 kg/ng-ngđ; tỷ lệ thu gom: 80%.
- Quy hoạch thu gom và xử lý CTR: Rác thải sinh hoạt sau khi thu gom được xử lý tập trung tại khu xử lý của xã.

9.11. Quản lý nghĩa trang:

- Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, từng bước đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ hiện trạng.

- Sử dụng nghĩa trang tập trung tại thôn Pò Hèn với tổng quy mô khoảng 10,0 ha (đến năm 2030 khoảng 5,0 ha, dài hạn đến năm 2040 khoảng 10,0 ha).

10. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư: Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định.

Điều 2. Quy định quản lý theo quy hoạch:

- Ban hành Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040 kèm theo Quyết định này.

- Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn được lập riêng (Thực hiện theo Quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh).

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Quy hoạch này làm cơ sở để quản lý quy hoạch, triển khai các bước tiếp theo để cụ thể hóa đồ án được duyệt theo quy định. Một số nội dung cần tiếp tục nghiên cứu triển khai trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết và triển khai các dự án:

- Đồ án Quy hoạch chung xã được phê duyệt với tỷ lệ 1/5.000, thể hiện đến cấp đường khu vực hoặc tương đương và ô đất giới hạn bởi các đường khu vực hoặc tương đương. Các tuyến đường có lộ giới $\leq 16m$ và các khu vực chức năng liên quan, các dự án, công trình có quy mô diện tích nhỏ sẽ được cụ thể hóa tại các đồ án Quy hoạch lớp dưới.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu vực chức năng, dự án, công trình (hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật) sẽ được tiếp tục xác định cụ thể, chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư.

- Đối với các khu vực có liên quan đến đất rừng: Thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá toàn bộ diện tích đất rừng khi triển khai các quy hoạch lớp dưới, dự án đầu tư cần phải đảm bảo tuân thủ Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/11/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/08/2017, các chỉ đạo của Tỉnh ủy, của UBND tỉnh về công tác quản lý rừng trên địa bàn tỉnh...

- Đối với các khu vực có liên quan đến đất quốc phòng, đất địa hình được quy hoạch quản lý theo Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện rà soát kỹ lưỡng các khu vực liên quan, triển khai các thủ tục đầu tư đảm bảo quy định pháp luật hiện hành.

- Đối với công trình theo tuyến (đê, kè...) thực hiện theo dự án đầu tư.

2. Phòng Quản lý đô thị thành phố Móng Cái thực hiện lưu trữ hồ sơ, quản lý quy hoạch theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã Hải Sơn phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch, cắm mốc...; quản lý giám sát việc xây dựng các dự án, công trình theo đúng định hướng quy hoạch được phê duyệt; kiên quyết đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban thành phố Móng Cái tổ chức rà soát các đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt nằm trong ranh giới quy hoạch này nhưng không phù hợp quy hoạch này (về tính chất, chức năng, ranh giới, tầng cao, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, khoảng lùi...) (nếu có).

- Căn cứ tình hình thực tế, các yêu cầu quản lý quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, thu hút đầu tư, UBND xã Hải Sơn chủ trì, phối hợp các đơn vị, phòng ban liên quan báo cáo triển khai đề xuất thực hiện lập mới, lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung xã được UBND thành phố phê duyệt, tuân thủ các quy định hiện hành.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND xã Hải Sơn cập nhật, bổ sung quy hoạch này vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố Móng Cái để làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án thành phần theo quy định.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý đảm bảo tuân thủ quy hoạch này các quy định pháp luật hiện hành.

6. Trung tâm Truyền thông và Văn hoá đăng tải công bố, công khai quy hoạch này lên Cổng thông tin điện tử thành phố Móng Cái theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2010-2020.

Điều 5. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng HĐND & UBND Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND Thành phố, Trưởng Công an Thành phố, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự Thành phố, Chủ tịch UBND xã Hải Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 1/

- Như Điều 5 (thực hiện);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Các sở: XD, TNMT, CT, NN&PTNT (p/h);
- BQL Khu kinh tế Quảng Ninh (p/h);
- TT Thành uỷ, TT HĐND Thành phố (b/c);
- CT, các PCT UBND Thành phố (c/đ);
- VP1, P1, P2, V2-10;
- Lưu: VT, V6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Quang Huy

**PHU LUC 01****Bảng quy hoạch sử dụng đất các giai đoạn***(Kèm theo Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND TP. Móng Cái)*

Stt	Mục đích sử dụng đất	Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích		8.173,06	100,00	8.173,06	100,00
I	Đất nông nghiệp	7.413,38	90,705	7.326,64	89,644
1	Đất sản xuất nông nghiệp	274,37	3,357	219,74	2,689
1.1	Đất trồng cây hàng năm	191,47	2,343	130,12	1,592
1.2	Đất trồng cây lâu năm	82,89	1,014	89,62	1,097
2	Đất lâm nghiệp	7.131,07	87,251	7.099,95	86,870
2.1	Đất rừng phòng hộ	4.295,75	52,560	4.295,75	52,560
2.2	Đất rừng sản xuất	2.835,32	34,691	2.804,20	34,310
3	Đất nuôi trồng thủy sản	2,95	0,036	2,95	0,036
4	Đất nông nghiệp khác	5,00	0,061	4,00	0,049
II	Đất xây dựng	266,27	3,258	376,00	4,600
1	Đất ở	51,79	0,634	82,04	1,004
2	Đất công cộng	24,15	0,295	35,50	0,434
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng các chức năng khác,...	5,64	0,069	11,58	0,142
2.2	Đất cơ sở y tế	0,20	0,002	0,20	0,002
2.3	Đất giáo dục đào tạo	2,92	0,036	5,17	0,063
2.4	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,01	0,000	0,01	0,000
2.5	Đất cơ sở văn hóa, sinh hoạt cộng đồng	2,82	0,035	5,98	0,073
2.6	Đất chợ	0,20	0,002	0,20	0,002
2.7	Đất công cộng khác	12,36	0,151	12,36	0,151
3	Đất cơ sở thể dục thể thao	2,03	0,025	5,20	0,064
4	Đất dịch vụ thương mại, logistics	7,48	0,092	10,63	0,130
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	73,38	0,898	122,53	1,499
5.1	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác	68,37	0,837	112,53	1,377
5.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,00	0,061	10,00	0,122
6	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	13,33	0,163	13,33	0,163
6.1	Đất thủy lợi	12,83	0,157	12,83	0,157
6.2	Đất công trình năng lượng	0,50	0,006	0,50	0,006

Stt	Mục đích sử dụng đất	Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
7	Đất quốc phòng an ninh	61,95	0,758	61,95	0,758
7.1	Đất công an xã	0,18	0,002	0,18	0,002
7.2	Đất quân sự	61,77	0,756	61,77	0,756
8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	9,53	0,117	9,53	0,117
9	Đất dự trữ phát triển	22,63	0,277	35,29	0,432
III	Đất khác	493,41	6,037	470,42	5,756
1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	64,37	0,788	62,95	0,770
2	Đất có mặt nước chuyên dùng	357,37	4,373	338,30	4,139
3	Đất bằng chưa sử dụng	6,40	0,078	3,90	0,048
4	Đất đồi núi chưa sử dụng	65,27	0,799	65,27	0,799

PHỤ LỤC 02

Các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã Hải Sơn đến năm 2040
(Kèm theo Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND TP. Móng Cái)



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)	
				Ngân sách	Xã hội hóa
	Tổng vốn đầu tư:		668.500	358.500	280.000
A	Giai đoạn đến năm 2030		403.500	258.500	145.000
1	Hạ tầng xã hội		210.000	175.000	35.000
1.1	Chợ xã (Chợ Pò Hèn)	Thôn Pò Hèn	15.000		15.000
1.2	Bru điện xã	Thôn Pò Hèn	5.000		5.000
1.3	Trường Tiểu học và THCS Hải Sơn	Thôn Pò Hèn	40.000	40.000	
1.4	Trường Mầm non xã Hải Sơn	Thôn Pò Hèn	20.000	20.000	
1.5	Các Điểm trường ở các thôn	03 thôn	15.000	15.000	
1.6	Trung tâm văn hoá thể thao xã	Thôn Pò Hèn	5.000	5.000	
1.7	Công viên cảnh quan khu trung tâm	Thôn Pò Hèn	5.000	5.000	
1.8	Nhà Văn Hóa	03 thôn	15.000	15.000	
1.9	Chỉnh trang khu dân cư thôn Pò Hèn	Thôn Pò Hèn	20.000	15.000	5.000
1.10	Chỉnh trang khu dân cư thôn Lục Chấn	Thôn Lục Chấn	20.000	15.000	5.000
1.11	Chỉnh trang khu dân cư thôn Thán Phún Xã	thôn Thán Phún Xã	20.000	15.000	5.000
1.12	Xây dựng Làng dân tộc thiểu số Dao Thanh Y	Thôn Pò Hèn	30.000	30.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật		73.500	73.500	
2.1	Giao thông	03 thôn	25.000	25.000	
2.2	Điện	03 thôn	10.000	10.000	
2.3	Nước sạch	03 thôn	15.000	15.000	
2.4	Thủy lợi	03 thôn	5.000	5.000	
2.5	Nghĩa trang	03 thôn	9.000	9.000	
2.6	Trung chuyển rác	03 thôn	500	500	
2.7	Trạm xử lý nước thải	03 trạm	9.000	9.000	
3	Đầu tư sản xuất nông nghiệp		20.000	10.000	10.000
4	Thu hút đầu tư phát triển du lịch sinh thái núi Mã Thầu Sần, Thác 72 gian,...		100.000		100.000

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)	
				Ngân sách	Xã hội hóa
B	Giai đoạn năm 2031-2040		265.000	130.000	135.000
1	Hạ tầng xã hội		55.000	50.000	5.000
1.1	Đất ở tại các thôn	03 thôn	10.000	5.000	5.000
1.2	Hạ tầng Đất ở mới tại các thôn	03 thôn	45.000	45.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật		70.000	70.000	
2.1	Giao thông	04 thôn	20.000	20.000	
2.2	Điện	04 thôn	15.000	15.000	
2.3	Nước sạch	04 thôn	10.000	10.000	
2.4	Thủy lợi	04 thôn	20.000	20.000	
2.5	Nghĩa trang	04 thôn	5.000	5.000	
3	Đầu tư sản xuất nông nghiệp		40.000	10.000	30.000
4	Thu hút đầu tư phát triển du lịch sinh thái		100.000		100.000